

Thủ Dầu Một, ngày 30 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc thực hiện chế độ chính sách dành cho học sinh
Năm học: 2025-2026

Căn cứ vào Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Trường Mầm non Hòa Mi trân trọng thông báo đến Quý bậc phụ huynh về việc thực hiện chế độ chính sách dành cho học sinh năm học 2025-2026 như sau:

I. Chế độ chính sách theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP

Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Chế độ hỗ trợ chi phí học tập

a. Mức hỗ trợ: 150.000đ/tháng (Tối đa 9 tháng/năm)

b. Đối tượng áp dụng: Theo Điều 17 của Nghị định

1. Trẻ em mầm non học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

2. Trẻ em mầm non học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người khuyết tật.

3. Trẻ em mầm non học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trẻ em học mầm non học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn khác



theo quy định của địa phương trong trường hợp trên địa bàn thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo không có cơ sở giáo dục.

c. Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị miễn, hỗ trợ học phí theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

- Kèm theo bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ trong trường hợp sau:

+ Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này;

+ Giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp áp dụng đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

+ Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

II. Chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP

Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa

a. Mức hỗ trợ: 160.000đ/tháng (Tối đa 9 tháng/năm học)

b. Đối tượng: Theo khoản 1 Điều 8 của Nghị định

Trẻ em độ tuổi mẫu giáo đang học tại lớp mẫu giáo đảm bảo một trong những điều kiện sau:

1. Có cha hoặc mẹ có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặt biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

4. Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).

5. Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

c. Hồ sơ gồm có:

1. Đơn đề nghị hỗ trợ tiền ăn trưa (mẫu tại trường)

2. Bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ tiền ăn trưa hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu đối với các đối tượng sau:

2.1. Có cha hoặc mẹ có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặt biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bản sao sổ hộ khẩu.

- Bản sao giấy khai sinh.

- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú của trẻ (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).

2.2. Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở bảo trợ xã hội về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ em thuộc các trường hợp khác quy định khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2.3. Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

- Bản sao sổ hộ nghèo, cận nghèo.

- Bản sao giấy khai sinh.

- Bản sao sổ hộ khẩu.

2.4. Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối với người có công.

- Giấy khai sinh.

2.5. Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.



- Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bản sao giấy khai sinh.

III: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NỘ HỒ SƠ

Thời gian:

+ Học kỳ 1: Từ ngày 01/11/2025 kỳ đến ngày 15/12/2025

+ Học kỳ 2: Từ ngày 01/4/2026 đến ngày 15/5/2026

Số lượng: Hồ sơ nộp 02 bộ cho kế toán tại văn phòng.

***Lưu ý: Quý bậc phụ huynh nộp hồ sơ sau thời hạn trên sẽ không được xem xét giải quyết.**

Vậy Trường Mầm non Hòa Mi trân trọng thông báo tới toàn thể Quý bậc phụ huynh có con học tại Trường được biết và nộp hồ sơ theo yêu cầu. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp vướng mắc phụ huynh có thể trao đổi trực tiếp với kế toán hoặc qua số điện thoại Hotline của nhà trường 0274.3828764 để được hỗ trợ./

Nơi nhận

- Thông báo; GVCN các lớp
- Lưu VT.

